

TỈNH ỦY HÀ TĨNH
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

KẾT QUẢ THI HẾT PHẦN HỌC: NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN
CHỨNG VÀ CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ
LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH K178 (HUYỆN ĐỨC THỌ)

TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		Ghi chú
				Bảng số	Bảng chữ	
1	Võ Hoài	An	01	8,0	Tám chẵn	
2	Hồ Quốc	An	02	8,0	Tám chẵn	
3	Đinh Thị Kim	Anh	03	8,0	Tám chẵn	
4	Thái Thị Vân	Anh	04	8,5	Tám rưỡi	
5	Võ Thị Thanh	Bình	05	8,0	Tám chẵn	
6	Nguyễn Đình	Chí	06	8,5	Tám rưỡi	
7	Nguyễn Thủy	Chung	07	8,5	Tám rưỡi	
8	Trần Văn	Công	08	Không đủ ĐK dự thi		
9	Trần Thị Kim	Cương	09	8,0	Tám chẵn	
10	Đào Hùng	Cường	10	8,0	Tám chẵn	
11	Trần Mạnh	Cường	11	8,5	Tám rưỡi	
12	Trần Quang	Đạt	12	8,5	Tám rưỡi	
13	Nguyễn Văn	Đức	13	8,5	Tám rưỡi	
14	Nguyễn Thị Kim	Dung	14	8,5	Tám rưỡi	
15	Đồng Việt	Dũng	15	8,5	Tám rưỡi	
16	Ngô Thị Ngọc	Dũng	16	8,5	Tám rưỡi	
17	Nguyễn Văn	Giang	17	Không đủ ĐK dự thi		
18	Nguyễn Việt	Hạ	18	Không đủ ĐK dự thi		
19	Phan Thị Hoài	Hạ	19	Không đủ ĐK dự thi		
20	Nguyễn Thị	Hải	20	8,0	Tám chẵn	
21	Đào Tiến	Hải	21	8,5	Tám rưỡi	
22	Hoàng Thị Thanh	Hải	22	8,0	Tám chẵn	
23	Đoàn Xuân	Hậu	23	8,0	Tám chẵn	
24	Trần Thị Thu	Hiền	24	8,0	Tám chẵn	
25	Nguyễn Thị	Hiền	25	8,0	Tám chẵn	
26	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	26	8,0	Tám chẵn	
27	Cù Thị	Hoa	27	8,0	Tám chẵn	

TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		Ghi chú
				Bảng số	Bảng chữ	
28	Nguyễn Thị Thúy	Hoàn	28	8,5	Tám rưỡi	
29	Nguyễn Ánh	Hồng	29	8,0	Tám chẵn	
30	Hoàng Thị	Hồng	30	8,5	Tám rưỡi	
31	Hà Văn	Hùng	31	8,0	Tám chẵn	
32	Trần Thị Vũ	Huyền	32	7,5	Bảy rưỡi	
33	Vương Thị	Huyền	33	8,0	Tám chẵn	
34	Phan Thị Thanh	Huyền	34	8,0	Tám chẵn	
35	Nguyễn Phong	Lưu	35	8,5	Tám rưỡi	
36	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	36	8,5	Tám rưỡi	
37	Nguyễn Trà	My	37	8,5	Tám rưỡi	
38	Lê Thị Quỳnh	Nga	38	8,0	Tám chẵn	
39	Nguyễn Thúy	Nga	39	8,0	Tám chẵn	
40	Cù Thị	Nguyệt	40	8,0	Tám chẵn	
41	Nguyễn Thị	Nhàn	41	8,5	Tám rưỡi	
42	Thái Văn	Nhật	42	8,0	Tám chẵn	
43	Trần Thị Hồng	Nhung	43	8,0	Tám chẵn	
44	Nguyễn Thị Gia	Phú	44	8,5	Tám rưỡi	
45	Lê Quang	Phước	45	8,0	Tám chẵn	
46	Hoàng Thị	Phượng	46	8,0	Tám chẵn	
47	Nguyễn Thị	Phượng	47	8,5	Tám rưỡi	
48	Phạm Thị	Quế	48	8,0	Tám chẵn	
49	Lê Thị	Quế	49	8,0	Tám chẵn	
50	Bùi Xuân	Quý	50	Không đủ ĐK dự thi		
51	Phan Thị Mai	Quyên	51	7,5	Bảy rưỡi	
52	Trần Thị	Quỳnh	52	8,0	Tám chẵn	
53	Trần Danh	Quỳnh	53	8,5	Tám rưỡi	
54	Phan Thị	Sen	54	8,5	Tám rưỡi	
55	Lê Ngọc	Sơn	55	8,0	Tám chẵn	
56	Võ Thanh	Sơn	56	8,0	Tám chẵn	
57	Lê Văn	Sơn	57	8,0	Tám chẵn	
58	Trần Thị Hồng	Thắm	58	8,0	Tám chẵn	
59	Hà Quang	Thắng	59	8,5	Tám rưỡi	
60	Nguyễn Nam	Thắng	60	8,0	Tám chẵn	

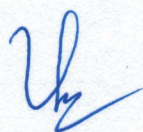
TT	Họ và tên	Số BD	Điểm		Ghi chú
			Bảng số	Bảng chữ	
61	Nguyễn Thị Hoài Thanh	61	8,5	Tám rưỡi	
62	Lê Thị Thanh	62	8,0	Tám chẵn	
63	Đoàn Thị Thêm	63	8,0	Tám chẵn	
64	Nghiêm Thị Thủy	64	7,5	Bảy rưỡi	
65	Trần Lệ Thủy	65	8,0	Tám chẵn	
66	Trần Thị Tình	66	8,5	Tám rưỡi	
67	Lê Thị Trang	67	7,5	Bảy rưỡi	
68	Nguyễn Thị Nha Trang	68	8,0	Tám chẵn	
69	Trần Thị Như Trang	69	8,5	Tám rưỡi	
70	Bùi Thị Trang	70	8,0	Tám chẵn	
71	Trần Thị Cẩm Tú	71	8,0	Tám chẵn	
72	Võ Anh Tuấn	72	8,0	Tám chẵn	
73	Dương Anh Tuấn	73	7,5	Bảy rưỡi	
74	Phan Thanh Tùng	74	7,5	Bảy rưỡi	
75	Lê Thị Kim Vân	75	Vắng thi		
76	Hoàng Quốc Việt	76	8,5	Tám rưỡi	
77	Nguyễn Thành Vinh	77	8,0	Tám chẵn	
78	Nguyễn Anh Vũ	78	8,0	Tám chẵn	
79	Trần Thị Xuyên	79	8,0	Tám chẵn	
80	Trần Thị Ngọc Yến	80	8,0	Tám chẵn	

Danh sách này gồm: 80 học viên

Hà Tĩnh, ngày 30 tháng 5 năm 2022

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

TRƯỞNG PHÒNG QLĐT VÀ NCKH



Bùi Thị Thủy



Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG
CHÍNH TRỊ
TRẦN PHÚ



Nguyễn Trọng Tứ

TỈNH ỦY HÀ TĨNH
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

KẾT QUẢ THI HẾT PHẦN HỌC: KINH TẾ CHÍNH TRỊ
LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH K178 (HUYỆN ĐỨC THỌ)

TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		Ghi chú
				Bảng số	Bảng chữ	
1	Võ Hoài	An	01	7,5	Bảy rưỡi	
2	Hồ Quốc	An	02	8,0	Tám chẵn	
3	Đinh Thị Kim	Anh	03	8,0	Tám chẵn	
4	Thái Thị Vân	Anh	04	8,0	Tám chẵn	
5	Võ Thị Thanh	Bình	05	8,0	Tám chẵn	
6	Nguyễn Đình	Chí	06	8,5	Tám chẵn	
7	Nguyễn Thủy	Chung	07	7,5	Bảy rưỡi	
8	Trần Văn	Công	08	Vắng thi		
9	Trần Thị Kim	Cương	09	8,0	Tám chẵn	
10	Đào Hùng	Cường	10	7,5	Bảy rưỡi	
11	Trần Mạnh	Cường	11	8,0	Tám chẵn	
12	Trần Quang	Đạt	12	8,5	Tám rưỡi	
13	Nguyễn Văn	Đức	13	8,0	Tám chẵn	
14	Nguyễn Thị Kim	Dung	14	Vắng thi		
15	Đồng Việt	Dũng	15	8,0	Tám chẵn	
16	Ngô Thị Ngọc	Dũng	16	8,5	Tám rưỡi	
17	Nguyễn Văn	Giang	17	8,0	Tám chẵn	
18	Nguyễn Viết	Hạ	18	7,5	Bảy rưỡi	
19	Phan Thị Hoài	Hạ	19	8,0	Tám chẵn	
20	Nguyễn Thị	Hải	20	8,5	Tám rưỡi	
21	Đào Tiến	Hải	21	8,5	Tám rưỡi	
22	Hoàng Thị Thanh	Hải	22	8,0	Tám chẵn	
23	Đoàn Xuân	Hậu	23	7,5	Bảy rưỡi	
24	Trần Thị Thu	Hiền	24	8,0	Tám chẵn	
25	Nguyễn Thị	Hiền	25	8,0	Tám chẵn	
26	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	26	8,0	Tám chẵn	
27	Cù Thị	Hoa	27	7,5	Bảy rưỡi	



TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		Ghi chú
				Bằng số	Bằng chữ	
28	Nguyễn Thị Thúy	Hoàn	28	8,0	Tám chẵn	
29	Nguyễn Ánh	Hồng	29	8,0	Tám chẵn	
30	Hoàng Thị	Hồng	30	8,5	Tám rưỡi	
31	Hà Văn	Hùng	31	7,5	Bảy rưỡi	
32	Trần Thị Vũ	Huyền	32	8,0	Tám chẵn	
33	Vương Thị	Huyền	33	7,5	Bảy rưỡi	
34	Phan Thị Thanh	Huyền	34	8,0	Tám chẵn	
35	Nguyễn Phong	Lưu	35	8,5	Tám rưỡi	
36	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	36	7,5	Bảy rưỡi	
37	Nguyễn Trà	My	37	7,5	Bảy rưỡi	
38	Lê Thị Quỳnh	Nga	38	8,0	Tám chẵn	
39	Nguyễn Thúy	Nga	39	7,5	Bảy rưỡi	
40	Cù Thị	Nguyệt	40	7,5	Bảy rưỡi	
41	Nguyễn Thị	Nhàn	41	7,75	Bảy phẩy bảy lăm	
42	Thái Văn	Nhật	42	7,75	Bảy phẩy bảy lăm	
43	Trần Thị Hồng	Nhung	43	7,5	Bảy rưỡi	
44	Nguyễn Thị Gia	Phú	44	8,0	Tám chẵn	
45	Lê Quang	Phước	45	7,25	Bảy phẩy hai lăm	
46	Hoàng Thị	Phượng	46	7,25	Bảy phẩy hai lăm	
47	Nguyễn Thị	Phượng	47	7,5	Bảy rưỡi	
48	Phạm Thị	Quế	48	8,0	Tám chẵn	
49	Lê Thị	Quế	49	7,5	Bảy rưỡi	
50	Bùi Xuân	Quý	50	7,5	Bảy rưỡi	
51	Phan Thị Mai	Quyên	51	8,0	Tám chẵn	
52	Trần Thị	Quỳnh	52	8,0	Tám chẵn	
53	Trần Danh	Quỳnh	53	7,25	Bảy phẩy hai lăm	
54	Phan Thị	Sen	54	8,0	Tám chẵn	
55	Lê Ngọc	Sơn	55	8,0	Tám chẵn	
56	Võ Thanh	Sơn	56	7,5	Bảy rưỡi	
57	Lê Văn	Sơn	57	8,0	Tám chẵn	
58	Trần Thị Hồng	Thắm	58	8,0	Tám chẵn	
59	Hà Quang	Thăng	59	8,0	Tám chẵn	
60	Nguyễn Nam	Thắng	60	7,25	Bảy phẩy hai lăm	

TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		Ghi chú
				Bảng số	Bảng chữ	
61	Nguyễn Thị Hoài	Thanh	61	7,5	Bảy rưỡi	
62	Lê Thị	Thanh	62	8,0	Tám chẵn	
63	Đoàn Thị	Thêm	63	8,0	Tám chẵn	
64	Nghiêm Thị	Thủy	64	7,25	Bảy phẩy hai lăm	
65	Trần Lệ	Thủy	65	8,0	Tám chẵn	
66	Trần Thị	Tĩnh	66	7,75	Bảy phẩy bảy lăm	
67	Lê Thị	Trang	67	7,75	Bảy phẩy bảy lăm	
68	Nguyễn Thị Nha	Trang	68	7,25	Bảy phẩy hai lăm	
69	Trần Thị Như	Trang	69	7,25	Bảy phẩy hai lăm	
70	Bùi Thị	Trang	70	7,75	Bảy phẩy bảy lăm	
71	Trần Thị Cẩm	Tú	71	7,5	Bảy rưỡi	
72	Võ Anh	Tuấn	72	7,75	Bảy phẩy bảy lăm	
73	Dương Anh	Tuấn	73	7,5	Bảy rưỡi	
74	Phan Thanh	Tùng	74	7,5	Bảy rưỡi	
75	Lê Thị Kim	Vân	75	8,5	Tám rưỡi	
76	Hoàng Quốc	Việt	76	8,5	Tám rưỡi	
77	Nguyễn Thành	Vinh	77	8,0	Tám chẵn	
78	Nguyễn Anh	Vũ	78	7,5	Bảy rưỡi	
79	Trần Thị	Xuyến	79	8,5	Tám rưỡi	
80	Trần Thị Ngọc	Yến	80	8,0	Tám chẵn	

Danh sách này gồm: 80 học viên

Hà Tĩnh, ngày 03 tháng 7 năm 2022

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

TRƯỞNG PHÒNG QLĐT VÀ NCKH

Bùi Thị Thủy

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh



Nguyễn Trọng Tứ

TỈNH ỦY HÀ TĨNH
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

KẾT QUẢ THI HẾT PHẦN HỌC: NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH
LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ K178 (HUYỆN ĐỨC THỌ)

TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		Ghi chú
				Bảng số	Bảng chữ	
1	Võ Hoài	An	01	8,0	Tám chắn	
2	Hồ Quốc	An	02	8,0	Tám chắn	
3	Đinh Thị Kim	Anh	03	7,5	Bảy rưỡi	
4	Thái Thị Vân	Anh	04	7,5	Bảy rưỡi	
5	Võ Thị Thanh	Bình	05	7,5	Bảy rưỡi	
6	Nguyễn Đình	Chí	06	8,0	Tám chắn	
7	Nguyễn Thủy	Chung	07	7,5	Bảy rưỡi	
8	Trần Văn	Công	08	7,0	Bảy chắn	
9	Trần Thị Kim	Cương	09	7,5	Bảy rưỡi	
10	Đào Hùng	Cường	10	8,5	Tám rưỡi	
11	Trần Mạnh	Cường	11	7,5	Bảy rưỡi	
12	Trần Quang	Đạt	12	8,0	Tám chắn	
13	Nguyễn Văn	Đức	13	7,5	Bảy rưỡi	
14	Nguyễn Thị Kim	Dung	14	7,5	Bảy rưỡi	
15	Đồng Việt	Dũng	15	8,0	Tám chắn	
16	Ngô Thị Ngọc	Dũng	16	8,5	Tám rưỡi	
17	Nguyễn Văn	Giang	17	7,5	Bảy rưỡi	
18	Nguyễn Việt	Hạ	18	7,5	Bảy rưỡi	
19	Phan Thị Hoài	Hạ	19	7,5	Bảy rưỡi	
20	Nguyễn Thị	Hải	20	7,5	Bảy rưỡi	
21	Đào Tiến	Hải	21		Vắng thi	
22	Hoàng Thị Thanh	Hải	22	7,0	Bảy chắn	
23	Đoàn Xuân	Hậu	23	7,5	Bảy rưỡi	
24	Trần Thị Thu	Hiền	24	7,0	Bảy chắn	
25	Nguyễn Thị	Hiền	25	8,5	Tám rưỡi	
26	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	26	7,5	Bảy rưỡi	
27	Cù Thị	Hoa	27	7,5	Bảy rưỡi	
28	Nguyễn Thị Thúy	Hoàn	28	7,5	Bảy rưỡi	



TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		Ghi chú
				Bảng số	Bảng chữ	
29	Nguyễn Ánh	Hồng	29	7,0	Bảy chẵn	
30	Hoàng Thị	Hồng	30	8,0	Tám chẵn	
31	Hà Văn	Hùng	31	7,0	Bảy chẵn	
32	Trần Thị Vũ	Huyền	32	8,0	Tám chẵn	
33	Vương Thị	Huyền	33	7,5	Bảy rưỡi	
34	Phan Thị Thanh	Huyền	34	7,5	Bảy rưỡi	
35	Nguyễn Phong	Lưu	35	8,0	Tám chẵn	
36	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	36	7,5	Bảy rưỡi	
37	Nguyễn Trà	My	37	7,5	Bảy rưỡi	
38	Lê Thị Quỳnh	Nga	38	8,0	Tám chẵn	
39	Nguyễn Thúy	Nga	39	7,5	Bảy rưỡi	
40	Cù Thị	Nguyệt	40	7,5	Bảy rưỡi	
41	Nguyễn Thị	Nhàn	41	8,5	Tám rưỡi	
42	Thái Văn	Nhật	42	7,25	Bảy phẩy hai lăm	
43	Trần Thị Hồng	Nhung	43	7,5	Bảy rưỡi	
44	Nguyễn Thị Gia	Phú	44	8,0	Tám chẵn	
45	Lê Quang	Phước	45	7,5	Bảy rưỡi	
46	Hoàng Thị	Phượng	46	8,0	Tám chẵn	
47	Nguyễn Thị	Phượng	47	7,0	Bảy chẵn	
48	Phạm Thị	Quế	48	8,0	Tám chẵn	
49	Lê Thị	Quế	49	8,0	Tám chẵn	
50	Bùi Xuân	Quý	50	8,0	Tám chẵn	
51	Phan Thị Mai	Quyên	51	8,0	Tám chẵn	
52	Trần Thị	Quỳnh	52	7,5	Bảy rưỡi	
53	Trần Danh	Quỳnh	53	7,25	Bảy phẩy hai lăm	
54	Phan Thị	Sen	54	8,0	Tám chẵn	
55	Lê Ngọc	Sơn	55	7,0	Bảy chẵn	
56	Võ Thanh	Sơn	56	7,5	Bảy rưỡi	
57	Lê Văn	Sơn	57	8,0	Tám chẵn	
58	Trần Thị Hồng	Thắm	58	8,0	Tám chẵn	
59	Hà Quang	Thắng	59	8,0	Tám chẵn	
60	Nguyễn Nam	Thắng	60	7,0	Bảy chẵn	
61	Nguyễn Thị Hoài	Thanh	61		Vắng thi	

TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		Ghi chú
				Bằng số	Bằng chữ	
62	Lê Thị	Thanh	62	8,0	Tám chắn	
63	Đoàn Thị	Thêm	63	8,5	Tám rưỡi	
64	Nghiêm Thị	Thủy	64	7,5	Bảy rưỡi	
65	Trần Lệ	Thủy	65	8,5	Tám rưỡi	
66	Trần Thị	Tĩnh	66	7,5	Bảy rưỡi	
67	Lê Thị	Trang	67	7,5	Bảy rưỡi	
68	Nguyễn Thị Nha	Trang	68	8,0	Tám chắn	
69	Trần Thị Như	Trang	69	8,0	Tám chắn	
70	Bùi Thị	Trang	70	8,0	Tám chắn	
71	Trần Thị Cẩm	Tú	71	8,0	Tám chắn	
72	Võ Anh	Tuấn	72	7,5	Bảy rưỡi	
73	Dương Anh	Tuấn	73	7,5	Bảy rưỡi	
74	Phan Thanh	Tùng	74	7,5	Bảy rưỡi	
75	Lê Thị Kim	Vân	75	8,5	Tám rưỡi	
76	Hoàng Quốc	Việt	76	8,5	Tám rưỡi	
77	Nguyễn Thành	Vinh	77	7,5	Bảy rưỡi	
78	Nguyễn Anh	Vũ	78	7,5	Bảy rưỡi	
79	Trần Thị	Xuyến	79		Vắng thi	
80	Trần Thị Ngọc	Yến	80	7,5	Bảy rưỡi	

Danh sách này gồm: 80 học viên

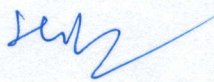
Hà Tĩnh, ngày 10 tháng 9 năm 2022

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

TRƯỞNG PHÒNG QLĐT VÀ NCKH



Thái Thị Hiền



Nguyễn Thị Mỹ Hạnh



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Trọng Tứ

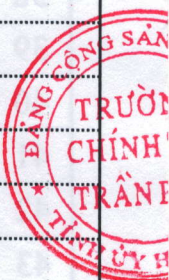
TỈNH ỦY HÀ TĨNH
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

KẾT QUẢ THI HẾT PHẦN HỌC: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC
LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH K178 (HUYỆN ĐỨC THỌ)

TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		Ghi chú
				Bảng số	Bảng chữ	
1	Võ Hoài	An	01	8,0	Tám điểm	
2	Hồ Quốc	An	02	8,5	Tám rưỡi	
3	Đinh Thị Kim	Anh	03	8,0	Tám điểm	
4	Thái Thị Vân	Anh	04	8,0	Tám điểm	
5	Võ Thị Thanh	Bình	05	8,0	Tám điểm	
6	Nguyễn Đình	Chí	06	8,5	Tám rưỡi	
7	Nguyễn Thủy	Chung	07	8,5	Tám rưỡi	
8	Trần Văn	Công	08	8,5	Tám rưỡi	
9	Trần Thị Kim	Cương	09	8,0	Tám điểm	
10	Đào Hùng	Cường	10	7,5	Bảy rưỡi	
11	Trần Mạnh	Cường	11	8,0	Tám điểm	
12	Trần Quang	Đạt	12	Không đủ điều kiện dự thi		
13	Nguyễn Văn	Đức	13	7,5	Bảy rưỡi	
14	Nguyễn Thị Kim	Dung	14	8,0	Tám điểm	
15	Đồng Việt	Dũng	15	8,5	Tám rưỡi	
16	Ngô Thị Ngọc	Dũng	16	8,5	Tám rưỡi	
17	Nguyễn Văn	Giang	17	Không đủ điều kiện dự thi		
18	Nguyễn Việt	Hạ	18	Không đủ điều kiện dự thi		
19	Phan Thị Hoài	Hạ	19	8,5	Tám rưỡi	
20	Nguyễn Thị	Hải	20	8,0	Tám điểm	
21	Đào Tiến	Hải	21	8,5	Tám rưỡi	
22	Hoàng Thị Thanh	Hải	22	8,5	Tám rưỡi	
23	Đoàn Xuân	Hậu	23	7,5	Bảy rưỡi	
24	Trần Thị Thu	Hiền	24	7,0	Bảy điểm	
25	Nguyễn Thị	Hiền	25	7,5	Bảy rưỡi	
26	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	26	7,5	Bảy rưỡi	
27	Cù Thị	Hoa	27	7,5	Bảy rưỡi	



TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		Ghi chú
				Bảng số	Bảng chữ	
28	Nguyễn Thị Thúy	Hoàn	28	8,0	Tám điểm	
29	Nguyễn Ánh	Hồng	29	8,0	Tám điểm	
30	Hoàng Thị	Hồng	30	8,5	Tám rưỡi	
31	Hà Văn	Hùng	31	8,0	Tám điểm	
32	Trần Thị Vũ	Huyền	32	Không đủ điều kiện dự thi		
33	Vương Thị	Huyền	33	7,5	Bảy rưỡi	
34	Phan Thị Thanh	Huyền	34	7,5	Bảy rưỡi	
35	Nguyễn Phong	Lưu	35	8,5	Tám rưỡi	
36	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	36	8,0	Tám điểm	
37	Nguyễn Trà	My	37	8,5	Tám rưỡi	
38	Lê Thị Quỳnh	Nga	38	7,5	Bảy rưỡi	
39	Nguyễn Thúy	Nga	39	8,0	Tám điểm	
40	Cù Thị	Nguyệt	40	8,5	Tám rưỡi	
41	Nguyễn Thị	Nhàn	41	8,0	Tám điểm	
42	Thái Văn	Nhật	42	8,0	Tám điểm	
43	Trần Thị Hồng	Nhung	43	8,0	Tám điểm	
44	Nguyễn Thị Gia	Phú	44	7,5	Bảy rưỡi	
45	Lê Quang	Phước	45	7,5	Bảy rưỡi	
46	Hoàng Thị	Phượng	46	8,0	Tám điểm	
47	Nguyễn Thị	Phượng	47	8,0	Tám điểm	
48	Phạm Thị	Quế	48	8,0	Tám điểm	
49	Lê Thị	Quế	49	8,5	Tám rưỡi	
50	Bùi Xuân	Quý	50	7,5	Bảy rưỡi	
51	Phan Thị Mai	Quyên	51	Không đủ điều kiện dự thi		
52	Trần Thị	Quỳnh	52	8,0	Tám điểm	
53	Trần Danh	Quỳnh	53	8,0	Tám điểm	
54	Phan Thị	Sen	54	7,5	Bảy rưỡi	
55	Lê Ngọc	Sơn	55	8,0	Tám điểm	
56	Võ Thanh	Sơn	56	8,0	Tám điểm	
57	Lê Văn	Sơn	57	7,5	Bảy rưỡi	
58	Trần Thị Hồng	Thắm	58	7,5	Bảy rưỡi	
59	Hà Quang	Thăng	59	8,0	Tám điểm	
60	Nguyễn Nam	Thắng	60	7,5	Bảy rưỡi	

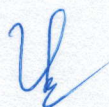
TT	Họ và tên	Số BD	Điểm		Ghi chú
			Bảng số	Bảng chữ	
61	Nguyễn Thị Hoài Thanh	61	Không đủ điều kiện dự thi		
62	Lê Thị Thanh	62	8,5	Tám rưỡi	
63	Đoàn Thị Thêm	63	8,0	Tám điểm	
64	Nghiêm Thị Thủy	64	7,0	Bảy điểm	
65	Trần Lệ Thủy	65	8,0	Tám điểm	
66	Trần Thị Tình	66	8,0	Tám điểm	
67	Lê Thị Trang	67	7,0	Bảy điểm	
68	Nguyễn Thị Nha Trang	68	8,0	Tám điểm	
69	Trần Thị Như Trang	69	8,5	Tám rưỡi	
70	Bùi Thị Trang	70	8,0	Tám điểm	
71	Trần Thị Cẩm Tú	71	7,5	Bảy rưỡi	
72	Võ Anh Tuấn	72	7,0	Bảy điểm	
73	Dương Anh Tuấn	73	7,0	Bảy điểm	
74	Phan Thanh Tùng	74	6,5	Sáu rưỡi	
75	Lê Thị Kim Vân	75	Vắng thi		
76	Hoàng Quốc Việt	76	8,5	Tám rưỡi	
77	Nguyễn Thành Vinh	77	8,0	Tám điểm	
78	Nguyễn Anh Vũ	78	8,0	Tám điểm	
79	Trần Thị Xuyên	79	8,0	Tám điểm	
80	Trần Thị Ngọc Yến	80	8,0	Tám điểm	

Danh sách này gồm: 80 học viên

Hà Tĩnh, ngày 31 tháng 5 năm 2022

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

TRƯỞNG PHÒNG QLĐT VÀ NCKH



Bùi Thị Thủy



Nguyễn Thị Mỹ Hạnh



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Trọng Tứ

TỈNH ỦY HÀ TĨNH
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

KẾT QUẢ THI HẾT PHẦN HỌC: LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ K178 (HUYỆN ĐỨC THỌ)

TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		Ghi chú
				Bảng số	Bảng chữ	
1	Võ Hoài	An	01	7,5	Bảy rưỡi	
2	Hồ Quốc	An	02	7,0	Bảy chẵn	
3	Đinh Thị Kim	Anh	03	7,5	Bảy rưỡi	
4	Thái Thị Vân	Anh	04	8,5	Tám rưỡi	
5	Võ Thị Thanh	Bình	05	7,5	Bảy rưỡi	
6	Nguyễn Đình	Chí	06	8,5	Tám rưỡi	
7	Nguyễn Thủy	Chung	07	7,0	Bảy chẵn	
8	Trần Văn	Công	08	8,0	Tám chẵn	
9	Trần Thị Kim	Cương	09	7,5	Bảy rưỡi	
10	Đào Hùng	Cường	10	7,0	Bảy chẵn	
11	Trần Mạnh	Cường	11	7,0	Bảy chẵn	
12	Trần Quang	Đạt	12	8,0	Tám chẵn	
13	Nguyễn Văn	Đức	13	7,5	Bảy rưỡi	
14	Nguyễn Thị Kim	Dung	14	7,0	Bảy chẵn	
15	Đồng Việt	Dũng	15	8,5	Tám rưỡi	
16	Ngô Thị Ngọc	Dũng	16	7,5	Bảy rưỡi	
17	Nguyễn Văn	Giang	17	7,5	Bảy rưỡi	
18	Nguyễn Việt	Hạ	18	7,0	Bảy chẵn	
19	Phan Thị Hoài	Hạ	19	8,5	Tám rưỡi	
20	Nguyễn Thị	Hải	20	7,5	Bảy rưỡi	
21	Đào Tiến	Hải	21	8,0	Tám chẵn	
22	Hoàng Thị Thanh	Hải	22	7,0	Bảy chẵn	
23	Đoàn Xuân	Hậu	23	7,0	Bảy chẵn	
24	Trần Thị Thu	Hiền	24	7,5	Bảy rưỡi	
25	Nguyễn Thị	Hiền	25	7,5	Bảy rưỡi	
26	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	26	7,0	Bảy chẵn	
27	Cù Thị	Hoa	27	7,5	Bảy rưỡi	



TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		Ghi chú
				Bảng số	Bảng chữ	
28	Nguyễn Thị Thúy	Hoàn	28	7,0	Bảy chẵn	
29	Nguyễn Ánh	Hồng	29	7,0	Bảy chẵn	
30	Hoàng Thị	Hồng	30	8,0	Tám chẵn	
31	Hà Văn	Hùng	31	6,5	Sáu rưỡi	
32	Trần Thị Vũ	Huyền	32	8,0	Tám chẵn	
33	Vương Thị	Huyền	33	8,0	Tám chẵn	
34	Phan Thị Thanh	Huyền	34	7,0	Bảy chẵn	
35	Nguyễn Phong	Lưu	35	7,5	Bảy rưỡi	
36	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	36	7,5	Bảy rưỡi	
37	Nguyễn Trà	My	37	7,0	Bảy chẵn	
38	Lê Thị Quỳnh	Nga	38	7,0	Bảy chẵn	
39	Nguyễn Thúy	Nga	39	7,5	Bảy rưỡi	
40	Cù Thị	Nguyệt	40	8,0	Tám chẵn	
41	Nguyễn Thị	Nhàn	41	8,0	Tám chẵn	
42	Thái Văn	Nhật	42	7,5	Bảy rưỡi	
43	Trần Thị Hồng	Nhung	43	8,0	Tám chẵn	
44	Nguyễn Thị Gia	Phú	44	8,0	Tám chẵn	
45	Lê Quang	Phước	45	7,0	Bảy chẵn	
46	Hoàng Thị	Phượng	46	7,0	Bảy chẵn	
47	Nguyễn Thị	Phượng	47	8,0	Tám chẵn	
48	Phạm Thị	Quế	48	7,5	Bảy rưỡi	
49	Lê Thị	Quế	49	8,0	Tám chẵn	
50	Bùi Xuân	Quý	50	7,0	Bảy chẵn	
51	Phan Thị Mai	Quyên	51	8,0	Tám chẵn	
52	Trần Thị	Quỳnh	52	7,5	Bảy rưỡi	
53	Trần Danh	Quỳnh	53	6,5	Sáu rưỡi	
54	Phan Thị	Sen	54	7,5	Bảy rưỡi	
55	Lê Ngọc	Son	55	7,0	Bảy chẵn	
56	Võ Thanh	Son	56	7,0	Bảy chẵn	
57	Lê Văn	Son	57	7,0	Bảy chẵn	
58	Trần Thị Hồng	Thắm	58	7,5	Bảy rưỡi	
59	Hà Quang	Thăng	59	7,5	Bảy rưỡi	
60	Nguyễn Nam	Thăng	60	7,0	Bảy chẵn	

TT	Họ và tên	Số BD	Điểm		Ghi chú
			Bảng số	Bảng chữ	
61	Nguyễn Thị Hoài Thanh	61	Không đủ ĐK dự thi		
62	Lê Thị Thanh	62	8,0	Tám chắn	
63	Đoàn Thị Thêm	63	8,0	Tám chắn	
64	Nghiêm Thị Thủy	64	7,5	Bảy rưỡi	
65	Trần Lệ Thủy	65	8,5	Tám rưỡi	
66	Trần Thị Tình	66	8,5	Tám rưỡi	
67	Lê Thị Trang	67	7,0	Bảy chắn	
68	Nguyễn Thị Nha Trang	68	Không đủ ĐK dự thi		
69	Trần Thị Như Trang	69	7,5	Bảy rưỡi	
70	Bùi Thị Trang	70	8,0	Tám chắn	
71	Trần Thị Cẩm Tú	71	Không đủ ĐK dự thi		
72	Võ Anh Tuấn	72	7,0	Bảy chắn	
73	Dương Anh Tuấn	73	6,5	Sáu rưỡi	
74	Phan Thanh Tùng	74	6,5	Sáu rưỡi	
75	Lê Thị Kim Vân	75	8,0	Tám chắn	
76	Hoàng Quốc Việt	76	8,0	Tám chắn	
77	Nguyễn Thành Vinh	77	7,0	Bảy chắn	
78	Nguyễn Anh Vũ	78	7,5	Bảy rưỡi	
79	Trần Thị Xuyên	79	Không đủ ĐK dự thi		
80	Trần Thị Ngọc Yến	80	8,0	Tám chắn	

Danh sách này gồm: 80 học viên

Hà Tĩnh, ngày 11 tháng 11 năm 2022

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

PHỤ TRÁCH PHÒNG QLĐT VÀ NCKH

HIỆU TRƯỞNG

Bùi Thị Thủy

Nguyễn Xuân Bé



Nguyễn Trọng Tứ

TỈNH ỦY HÀ TĨNH
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

KẾT QUẢ THI HẾT PHẦN HỌC: ĐƯỜNG LỐI, CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ K178 (HUYỆN ĐỨC THỌ)

TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		Ghi chú
				Bảng số	Bảng chữ	
1	Võ Hoài	An	01	7,25	Bảy phẩy hai lăm	
2	Hồ Quốc	An	02	7,0	Bảy chẵn	
3	Đinh Thị Kim	Anh	03	8,0	Tám chẵn	
4	Thái Thị Vân	Anh	04	7,0	Bảy chẵn	
5	Võ Thị Thanh	Bình	05	7,25	Bảy phẩy hai lăm	
6	Nguyễn Đình	Chí	06	8,0	Tám chẵn	
7	Nguyễn Thủy	Chung	07	7,0	Bảy chẵn	
8	Trần Văn	Công	08	8,0	Tám chẵn	
9	Trần Thị Kim	Cương	09	7,5	Bảy rưỡi	
10	Đào Hùng	Cường	10	7,0	Bảy chẵn	
11	Trần Mạnh	Cường	11	7,5	Bảy rưỡi	
12	Trần Quang	Đạt	12	7,5	Bảy rưỡi	
13	Nguyễn Văn	Đức	13	7,5	Bảy rưỡi	
14	Nguyễn Thị Kim	Dung	14	7,0	Bảy chẵn	
15	Đồng Việt	Dũng	15	7,5	Bảy rưỡi	
16	Ngô Thị Ngọc	Dũng	16	8,0	Tám chẵn	
17	Nguyễn Văn	Giang	17	6,5	Sáu rưỡi	
18	Nguyễn Viết	Hạ	18	7,0	Bảy chẵn	
19	Phan Thị Hoài	Hạ	19	7,5	Bảy rưỡi	
20	Nguyễn Thị	Hải	20	8,0	Tám chẵn	
21	Đào Tiến	Hải	21	8,0	Tám chẵn	
22	Hoàng Thị Thanh	Hải	22	7,0	Bảy chẵn	
23	Đoàn Xuân	Hậu	23	7,5	Bảy rưỡi	
24	Trần Thị Thu	Hiền	24	8,0	Tám chẵn	
25	Nguyễn Thị	Hiền	25	7,0	Bảy chẵn	
26	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	26	7,5	Bảy rưỡi	
27	Cù Thị	Hoa	27	7,5	Bảy rưỡi	



TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		Ghi chú
				Bảng số	Bảng chữ	
28	Nguyễn Thị Thúy	Hoàn	28	7,75	Bảy phẩy bảy lăm	
29	Nguyễn Ánh	Hồng	29	7,5	Bảy rưỡi	
30	Hoàng Thị	Hồng	30	8,5	Tám rưỡi	
31	Hà Văn	Hùng	31	7,75	Bảy phẩy bảy lăm	
32	Trần Thị Vũ	Huyền	32	8,0	Tám chẵn	
33	Vương Thị	Huyền	33	7,0	Bảy chẵn	
34	Phan Thị Thanh	Huyền	34	7,5	Bảy rưỡi	
35	Nguyễn Phong	Lưu	35	7,5	Bảy rưỡi	
36	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	36	7,5	Bảy rưỡi	
37	Nguyễn Trà	My	37	8,0	Tám chẵn	
38	Lê Thị Quỳnh	Nga	38	7,0	Bảy chẵn	
39	Nguyễn Thúy	Nga	39	7,5	Bảy rưỡi	
40	Cù Thị	Nguyệt	40	8,0	Tám chẵn	
41	Nguyễn Thị	Nhàn	41	8,0	Tám chẵn	
42	Thái Văn	Nhật	42	7,75	Bảy phẩy bảy lăm	
43	Trần Thị Hồng	Nhung	43	8,0	Tám chẵn	
44	Nguyễn Thị Gia	Phú	44	8,0	Tám chẵn	
45	Lê Quang	Phước	45	7,5	Bảy rưỡi	
46	Hoàng Thị	Phượng	46	7,5	Bảy rưỡi	
47	Nguyễn Thị	Phượng	47	7,75	Bảy phẩy bảy lăm	
48	Phạm Thị	Quế	48	7,0	Bảy chẵn	
49	Lê Thị	Quế	49	8,0	Tám chẵn	
50	Bùi Xuân	Quý	50	7,0	Bảy chẵn	
51	Phan Thị Mai	Quyên	51	8,0	Tám chẵn	
52	Trần Thị	Quỳnh	52	7,5	Bảy rưỡi	
53	Trần Danh	Quỳnh	53	7,5	Bảy rưỡi	
54	Phan Thị	Sen	54	8,0	Tám chẵn	
55	Lê Ngọc	Sơn	55	7,0	Bảy chẵn	
56	Võ Thanh	Sơn	56	7,5	Bảy rưỡi	
57	Lê Văn	Sơn	57	7,5	Bảy rưỡi	
58	Trần Thị Hồng	Thắm	58	7,0	Bảy chẵn	
59	Hà Quang	Thắng	59	8,0	Tám chẵn	
60	Nguyễn Nam	Thắng	60	Vắng thi		

TT	Họ và tên	Số BD	Điểm		Ghi chú
			Bảng số	Bảng chữ	
61	Nguyễn Thị Hoài Thanh	61	Không đủ ĐK dự thi		
62	Lê Thị Thanh	62	8,0	Tám chẵn	
63	Đoàn Thị Thêm	63	7,25	Bảy phẩy hai lăm	
64	Nghiêm Thị Thủy	64	7,5	Bảy rưỡi	
65	Trần Lệ Thủy	65	7,5	Bảy rưỡi	
66	Trần Thị Tình	66	7,5	Bảy rưỡi	
67	Lê Thị Trang	67	7,25	Bảy phẩy hai lăm	
68	Nguyễn Thị Nha Trang	68	Không đủ ĐK dự thi		
69	Trần Thị Như Trang	69	8,0	Tám chẵn	
70	Bùi Thị Trang	70	8,0	Tám chẵn	
71	Trần Thị Cẩm Tú	71	Không đủ ĐK dự thi		
72	Võ Anh Tuấn	72	7,25	Bảy phẩy hai lăm	
73	Dương Anh Tuấn	73	7,0	Bảy chẵn	
74	Phan Thanh Tùng	74	6,0	Sáu chẵn	
75	Lê Thị Kim Vân	75	8,0	Tám chẵn	
76	Hoàng Quốc Việt	76	8,0	Tám chẵn	
77	Nguyễn Thành Vinh	77	7,0	Bảy chẵn	
78	Nguyễn Anh Vũ	78	7,5	Bảy rưỡi	
79	Trần Thị Xuyên	79	Không đủ ĐK dự thi		
80	Trần Thị Ngọc Yến	80	8,0	Tám chẵn	

Danh sách này gồm: 80 học viên

Hà Tĩnh, ngày 07 tháng 10 năm 2022

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

PHỤ TRÁCH PHÒNG QLĐT VÀ NCKH

Bùi Thị Thủy

Nguyễn Xuân Bé



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Trọng Tứ

TỈNH ỦY HÀ TĨNH
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

KẾT QUẢ THI HẾT PHẦN HỌC: NỘI DUNG CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT VIỆT NAM
LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ K178 (HUYỆN ĐỨC THỌ)

TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		Ghi chú
				Bảng số	Bảng chữ	
1	Võ Hoài	An	01	8,0	Tám chẵn	
2	Hồ Quốc	An	02	7,5	Bảy rưỡi	
3	Đinh Thị Kim	Anh	03	8,0	Tám chẵn	
4	Thái Thị Vân	Anh	04	8,5	Tám rưỡi	
5	Võ Thị Thanh	Bình	05	8,0	Tám chẵn	
6	Nguyễn Đình	Chí	06	8,5	Tám rưỡi	
7	Nguyễn Thủy	Chung	07	8,0	Tám chẵn	
8	Trần Văn	Công	08	8,5	Tám rưỡi	
9	Trần Thị Kim	Cương	09	7,5	Bảy rưỡi	
10	Đào Hùng	Cường	10	8,0	Tám chẵn	
11	Trần Mạnh	Cường	11	8,5	Tám rưỡi	
12	Trần Quang	Đạt	12	8,5	Tám rưỡi	
13	Nguyễn Văn	Đức	13	8,0	Tám chẵn	
14	Nguyễn Thị Kim	Dung	14	7,5	Bảy rưỡi	
15	Đồng Việt	Dũng	15	8,5	Tám rưỡi	
16	Ngô Thị Ngọc	Dũng	16	8,5	Tám rưỡi	
17	Nguyễn Văn	Giang	17	7,0	Bảy chẵn	
18	Nguyễn Việt	Hạ	18	Vắng thi		
19	Phan Thị Hoài	Hạ	19	8,5	Tám rưỡi	
20	Nguyễn Thị	Hải	20	7,5	Bảy rưỡi	
21	Đào Tiến	Hải	21	8,0	Tám chẵn	
22	Hoàng Thị Thanh	Hải	22	8,0	Tám chẵn	
23	Đoàn Xuân	Hậu	23	7,0	Bảy chẵn	
24	Trần Thị Thu	Hiền	24	7,0	Bảy chẵn	
25	Nguyễn Thị	Hiền	25	7,5	Bảy rưỡi	
26	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	26	7,0	Bảy chẵn	
27	Cù Thị	Hoa	27	8,0	Tám chẵn	



TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		Ghi chú
				Bảng số	Bảng chữ	
28	Nguyễn Thị Thúy	Hoàn	28	8,5	Tám rưỡi	
29	Nguyễn Ánh	Hồng	29	6,5	Sáu rưỡi	
30	Hoàng Thị	Hồng	30	7,5	Bảy rưỡi	
31	Hà Văn	Hùng	31	8,0	Tám chẵn	
32	Trần Thị Vũ	Huyền	32	7,5	Bảy rưỡi	
33	Vương Thị	Huyền	33	7,0	Bảy chẵn	
34	Phan Thị Thanh	Huyền	34	7,5	Bảy rưỡi	
35	Nguyễn Phong	Lưu	35	8,5	Tám rưỡi	
36	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	36	8,0	Tám chẵn	
37	Nguyễn Trà	My	37	8,5	Tám rưỡi	
38	Lê Thị Quỳnh	Nga	38	7,0	Bảy chẵn	
39	Nguyễn Thúy	Nga	39	7,5	Bảy rưỡi	
40	Cù Thị	Nguyệt	40	8,0	Tám chẵn	
41	Nguyễn Thị	Nhàn	41	7,5	Bảy rưỡi	
42	Thái Văn	Nhật	42	Không đủ điều kiện dự thi		
43	Trần Thị Hồng	Nhung	43	8,5	Tám rưỡi	
44	Nguyễn Thị Gia	Phú	44	8,5	Tám rưỡi	
45	Lê Quang	Phước	45	7,5	Bảy rưỡi	
46	Hoàng Thị	Phượng	46	Không đủ điều kiện dự thi		
47	Nguyễn Thị	Phượng	47	7,0	Bảy chẵn	
48	Phạm Thị	Quế	48	7,0	Bảy chẵn	
49	Lê Thị	Quế	49	Vắng thi		
50	Bùi Xuân	Quý	50	7,5	Bảy rưỡi	
51	Phan Thị Mai	Quyên	51	7,5	Bảy rưỡi	
52	Trần Thị	Quỳnh	52	8,0	Tám chẵn	
53	Trần Danh	Quỳnh	53	7,5	Bảy rưỡi	
54	Phan Thị	Sen	54	7,0	Bảy chẵn	
55	Lê Ngọc	Sơn	55	7,0	Bảy chẵn	
56	Võ Thanh	Sơn	56	7,0	Bảy chẵn	
57	Lê Văn	Sơn	57	7,0	Bảy chẵn	
58	Trần Thị Hồng	Thắm	58	7,0	Bảy chẵn	
59	Hà Quang	Thắng	59	7,0	Bảy chẵn	
60	Nguyễn Nam	Thắng	60	7,5	Bảy rưỡi	

TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		Ghi chú
				Bảng số	Bảng chữ	
61	Lê Thị	Thanh	62	7,0	Bảy chẵn	
62	Đoàn Thị	Thêm	63	8,0	Tám chẵn	
63	Nghiêm Thị	Thủy	64	7,0	Bảy chẵn	
64	Trần Lệ	Thủy	65	Vắng thi		
65	Trần Thị	Tĩnh	66	7,5	Bảy rưỡi	
66	Lê Thị	Trang	67	7,5	Bảy rưỡi	
67	Trần Thị Như	Trang	69	8,5	Tám rưỡi	
68	Bùi Thị	Trang	70	7,5	Bảy rưỡi	
69	Võ Anh	Tuấn	72	8,0	Tám chẵn	
70	Dương Anh	Tuấn	73	7,0	Bảy chẵn	
71	Phan Thanh	Tùng	74	6,5	Sáu rưỡi	
72	Lê Thị Kim	Vân	75	7,5	Bảy rưỡi	
73	Hoàng Quốc	Việt	76	8,5	Tám rưỡi	
74	Nguyễn Thành	Vinh	77	7,5	Bảy rưỡi	
75	Nguyễn Anh	Vũ	78	7,0	Bảy chẵn	
76	Trần Thị Ngọc	Yến	80	8,5	Tám rưỡi	

Danh sách này gồm: 76 học viên

Hà Tĩnh, ngày 05 tháng 4 năm 2023

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG QLĐT VÀ NCKH

HIỆU TRƯỞNG



Bùi Thị Thủy

Nguyễn Xuân Bé

Nguyễn Trọng Tứ

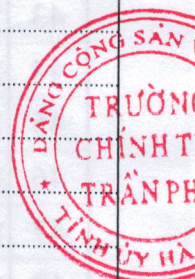
TỈNH ỦY HÀ TĨNH
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

KẾT QUẢ THI HẾT PHẦN HỌC: XÂY DỰNG ĐẢNG
LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ K178 (HUYỆN ĐỨC THỌ)

TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		Ghi chú
				Bảng số	Bảng chữ	
1	Võ Hoài	An	01	7,5	Bảy rưỡi	
2	Hồ Quốc	An	02	7,0	Bảy chẵn	
3	Đinh Thị Kim	Anh	03	7,5	Bảy rưỡi	
4	Thái Thị Vân	Anh	04	8,5	Tám rưỡi	
5	Võ Thị Thanh	Bình	05	7,5	Bảy rưỡi	
6	Nguyễn Đình	Chí	06	8,5	Tám rưỡi	
7	Nguyễn Thủy	Chung	07	7,5	Bảy rưỡi	
8	Trần Văn	Công	08	8,0	Tám chẵn	
9	Trần Thị Kim	Cương	09	8,0	Tám chẵn	
10	Đào Hùng	Cường	10	7,5	Bảy rưỡi	
11	Trần Mạnh	Cường	11	8,0	Tám chẵn	
12	Trần Quang	Đạt	12	7,5	Bảy rưỡi	
13	Nguyễn Văn	Đức	13	8,5	Tám rưỡi	
14	Nguyễn Thị Kim	Dung	14	8,0	Tám chẵn	
15	Đồng Việt	Dũng	15	8,5	Tám rưỡi	
16	Ngô Thị Ngọc	Dũng	16	8,5	Tám rưỡi	
17	Nguyễn Văn	Giang	17	7,5	Bảy rưỡi	
18	Nguyễn Việt	Hạ	18	7,0	Bảy chẵn	
19	Phan Thị Hoài	Hạ	19	8,5	Tám rưỡi	
20	Nguyễn Thị	Hải	20	8,0	Tám chẵn	
21	Đào Tiến	Hải	21	8,5	Tám rưỡi	
22	Hoàng Thị Thanh	Hải	22	8,0	Tám chẵn	
23	Đoàn Xuân	Hậu	23	7,5	Bảy rưỡi	
24	Trần Thị Thu	Hiền	24	8,0	Tám chẵn	
25	Nguyễn Thị	Hiền	25	7,5	Bảy rưỡi	
26	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	26	8,0	Tám chẵn	
27	Cù Thị	Hoa	27	8,0	Tám chẵn	



TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		Ghi chú
				Bảng số	Bảng chữ	
28	Nguyễn Thị Thúy	Hoàn	28	8,0	Tám chẵn	
29	Nguyễn Ánh	Hồng	29	8,0	Tám chẵn	
30	Hoàng Thị	Hồng	30	8,5	Tám rưỡi	
31	Hà Văn	Hùng	31	7,5	Bảy rưỡi	
32	Trần Thị Vũ	Huyền	32	7,5	Bảy rưỡi	
33	Vương Thị	Huyền	33	7,5	Bảy rưỡi	
34	Phan Thị Thanh	Huyền	34	8,0	Tám chẵn	
35	Nguyễn Phong	Lưu	35	8,5	Tám rưỡi	
36	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	36	8,0	Tám chẵn	
37	Nguyễn Trà	My	37	8,5	Tám rưỡi	
38	Lê Thị Quỳnh	Nga	38	7,5	Bảy rưỡi	
39	Nguyễn Thúy	Nga	39	7,5	Bảy rưỡi	
40	Cù Thị	Nguyệt	40	8,0	Tám chẵn	
41	Nguyễn Thị	Nhàn	41	8,5	Tám rưỡi	
42	Thái Văn	Nhật	42	7,0	Bảy chẵn	
43	Trần Thị Hồng	Nhung	43	8,0	Tám chẵn	
44	Nguyễn Thị Gia	Phú	44	8,5	Tám rưỡi	
45	Lê Quang	Phước	45	8,0	Tám chẵn	
46	Hoàng Thị	Phượng	46	7,0	Bảy chẵn	
47	Nguyễn Thị	Phượng	47	7,5	Bảy rưỡi	
48	Phạm Thị	Quế	48	8,0	Tám chẵn	
49	Lê Thị	Quế	49	8,5	Tám rưỡi	
50	Bùi Xuân	Quý	50	8,0	Tám chẵn	
51	Phan Thị Mai	Quyên	51	8,5	Tám rưỡi	
52	Trần Thị	Quỳnh	52	8,0	Tám chẵn	
53	Trần Danh	Quỳnh	53	7,5	Bảy rưỡi	
54	Phan Thị	Sen	54	8,0	Tám chẵn	
55	Lê Ngọc	Sơn	55	7,0	Bảy chẵn	
56	Vô Thanh	Sơn	56	7,5	Bảy rưỡi	
57	Lê Văn	Sơn	57	7,0	Bảy chẵn	
58	Trần Thị Hồng	Thắm	58	7,5	Bảy rưỡi	
59	Hà Quang	Thắng	59	8,0	Tám chẵn	
60	Nguyễn Nam	Thắng	60	7,5	Bảy rưỡi	

TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		Ghi chú
				Bảng số	Bảng chữ	
61	Lê Thị	Thanh	62	8,0	Tám chắn	
62	Đoàn Thị	Thêm	63	7,0	Bảy chắn	
63	Nghiêm Thị	Thủy	64	7,5	Bảy rưỡi	
64	Trần Lệ	Thủy	65	8,5	Tám rưỡi	
65	Trần Thị	Tình	66	7,5	Bảy rưỡi	
66	Lê Thị	Trang	67	8,0	Tám chắn	
67	Trần Thị Như	Trang	69	8,5	Tám rưỡi	
68	Bùi Thị	Trang	70	8,0	Tám chắn	
69	Võ Anh	Tuấn	72	7,5	Bảy rưỡi	
70	Dương Anh	Tuấn	73	7,0	Bảy chắn	
71	Phan Thanh	Tùng	74	7,0	Bảy chắn	
72	Lê Thị Kim	Vân	75	8,0	Tám chắn	
73	Hoàng Quốc	Việt	76	8,5	Tám rưỡi	
74	Nguyễn Thành	Vinh	77	7,5	Bảy rưỡi	
75	Nguyễn Anh	Vũ	78	7,0	Bảy chắn	
76	Trần Thị Ngọc	Yến	80	8,0	Tám chắn	

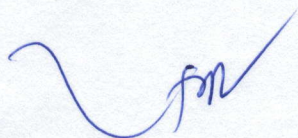
Danh sách này gồm: 76 học viên

Hà Tĩnh, ngày 07 tháng 02 năm 2023

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

PHỤ TRÁCH PHÒNG QLĐT VÀ NCKH

HIỆU TRƯỞNG





Nguyễn Thị Lan Anh

Nguyễn Xuân Bé

Nguyễn Trọng Tứ

TỈNH ỦY HÀ TĨNH
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

KẾT QUẢ THI HẾT PHẦN HỌC: QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC;
KỸ NĂNG LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ
LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ K178 (HUYỆN ĐỨC THỌ)

TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		Ghi chú
				Quản lý hành chính nhà nước	Kỹ năng lãnh đạo, quản lý	
1	Võ Hoài	An	01	7,5	7,0	
2	Hồ Quốc	An	02	7,0	7,5	
3	Đinh Thị Kim	Anh	03	8,0	8,5	
4	Thái Thị Vân	Anh	04	8,5	8,5	
5	Võ Thị Thanh	Bình	05	8,0	8,0	
6	Nguyễn Đình	Chí	06	8,5	8,5	
7	Nguyễn Thủy	Chung	07	7,5	8,0	
8	Trần Văn	Công	08	8,5	8,5	
9	Trần Thị Kim	Cương	09	8,0	8,5	
10	Đào Hùng	Cường	10	8,0	7,5	
11	Trần Mạnh	Cường	11	8,0	8,5	
12	Trần Quang	Đạt	12	8,5	7,5	
13	Nguyễn Văn	Đức	13	8,0	8,0	
14	Nguyễn Thị Kim	Dung	14	7,5	7,5	
15	Đồng Việt	Dũng	15	8,5	8,5	
16	Ngô Thị Ngọc	Dũng	16	8,5	8,5	
17	Nguyễn Văn	Giang	17	7,5	7,0	
18	Nguyễn Viết	Hạ	18	7,0	8,5	
19	Phan Thị Hoài	Hạ	19	8,5	8,5	
20	Nguyễn Thị	Hải	20	8,0	8,0	
21	Đào Tiến	Hải	21	8,5	8,5	
22	Hoàng Thị Thanh	Hải	22	8,0	7,5	
23	Đoàn Xuân	Hậu	23	8,0	8,0	
24	Trần Thị Thu	Hiền	24	8,0	7,5	
25	Nguyễn Thị	Hiền	25	8,0	7,5	
26	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	26	8,0	7,0	

TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		Ghi chú
				Quản lý hành chính nhà nước	Kỹ năng lãnh đạo, quản lý	
27	Cù Thị	Hoa	27	7,0	7,0	
28	Nguyễn Thị Thúy	Hoàn	28	7,5	8,5	
29	Nguyễn Ánh	Hồng	29	7,0	7,0	
30	Hoàng Thị	Hồng	30	8,5	8,5	
31	Hà Văn	Hùng	31	7,0	7,0	
32	Trần Thị Vũ	Huyền	32	7,5	7,5	
33	Vương Thị	Huyền	33	7,5	7,5	
34	Phan Thị Thanh	Huyền	34	8,0	7,5	
35	Nguyễn Phong	Lưu	35	8,5	8,5	
36	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	36	8,0	8,5	
37	Nguyễn Trà	My	37	8,5	8,5	
38	Lê Thị Quỳnh	Nga	38	8,0	7,5	
39	Nguyễn Thúy	Nga	39	8,0	8,0	
40	Cù Thị	Nguyệt	40	7,5	8,0	
41	Nguyễn Thị	Nhàn	41	8,5	8,5	
42	Thái Văn	Nhật	42	7,5	7,5	
43	Trần Thị Hồng	Nhung	43	8,5	8,0	
44	Nguyễn Thị Gia	Phú	44	8,5	8,5	
45	Lê Quang	Phước	45	7,5	8,0	
46	Hoàng Thị	Phượng	46	7,5	7,5	
47	Nguyễn Thị	Phượng	47	8,0	7,5	
48	Phạm Thị	Quế	48	7,5	8,0	
49	Lê Thị	Quế	49	8,5	8,5	
50	Bùi Xuân	Quý	50	7,5	8,0	
51	Phan Thị Mai	Quyên	51	8,0	8,0	
52	Trần Thị	Quỳnh	52	8,5	8,5	
53	Trần Danh	Quỳnh	53	7,5	7,5	
54	Phan Thị	Sen	54	7,5	8,5	
55	Lê Ngọc	Sơn	55	7,0	7,5	
56	Võ Thanh	Sơn	56	7,5	8,0	
57	Lê Văn	Sơn	57	7,5	7,5	
58	Trần Thị Hồng	Thắm	58	8,0	7,5	

TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		Ghi chú
				Quản lý hành chính nhà nước	Kỹ năng lãnh đạo, quản lý	
59	Hà Quang	Thăng	59	7,5	8,0	
60	Nguyễn Nam	Thắng	60	7,5	8,0	
61	Lê Thị	Thanh	62	8,0	8,5	
62	Đoàn Thị	Thêm	63	8,0	7,5	
63	Nghiêm Thị	Thủy	64	7,5	7,0	
64	Trần Lê	Thủy	65	8,5	8,5	
65	Trần Thị	Tinh	66	7,5	7,5	
66	Lê Thị	Trang	67	7,5	7,0	
67	Trần Thị Như	Trang	69	8,0	8,0	
68	Bùi Thị	Trang	70	7,5	8,5	
69	Võ Anh	Tuấn	72	7,0	7,5	
70	Dương Anh	Tuấn	73	7,0	7,5	
71	Phan Thanh	Tùng	74	7,5	7,5	
72	Lê Thị Kim	Vân	75	8,0	8,0	
73	Hoàng Quốc	Việt	76	8,5	8,5	
74	Nguyễn Thành	Vinh	77	7,0	7,5	
75	Nguyễn Anh	Vũ	78	8,0	8,0	
76	Trần Thị Ngọc	Yến	80	7,5	8,5	

Danh sách này gồm: 76 học viên

Hà Tĩnh, ngày 05 tháng 5 năm 2023

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG QLĐT VÀ NCKH

Bùi Thị Thủy

Nguyễn Xuân Bé



Nguyễn Trọng Tứ

TỈNH ỦY HÀ TĨNH
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

KẾT QUẢ THI HẾT PHẦN HỌC: MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ
- XÃ HỘI; BÀI THU HOẠCH NGHIÊN CỨU THỰC TẾ; KIẾN THỨC BỒ TRỢ;
THỰC TIỄN KINH NGHIỆM, XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐỊA PHƯƠNG
LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ K178 (HUYỆN ĐỨC THỌ)

TT	Họ và tên		Số BD	Điểm			
				Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội	Bài thu hoạch Nghiên cứu thực tế	Kiến thức bổ trợ	Thực tiễn kinh nghiệm xây dựng, phát triển địa phương
1	Võ Hoài	An	01	7,0	7,0	7,5	8,5
2	Hồ Quốc	An	02	7,0	7,5	7,0	7,0
3	Đinh Thị Kim	Anh	03	7,5	8,0	8,0	8,0
4	Thái Thị Vân	Anh	04	8,5	8,5	8,5	8,0
5	Võ Thị Thanh	Bình	05	7,5	8,0	8,0	8,0
6	Nguyễn Đình	Chí	06	8,5	8,5	8,5	8,5
7	Nguyễn Thủy	Chung	07	7,5	7,5	8,0	8,0
8	Trần Văn	Công	08	8,5	8,0	8,5	8,5
9	Trần Thị Kim	Cương	09	8,0	8,0	8,0	8,0
10	Đào Hùng	Cường	10	7,5	8,0	7,5	8,0
11	Trần Mạnh	Cường	11	7,5	8,0	8,0	8,0
12	Trần Quang	Đạt	12	8,5	8,5	8,5	8,5
13	Nguyễn Văn	Đức	13	7,5	8,0	8,0	7,0
14	Nguyễn Thị Kim	Dung	14	7,25	8,0	8,0	7,5
15	Đồng Việt	Dũng	15	8,5	8,5	8,5	8,5
16	Ngô Thị Ngọc	Dũng	16	Vắng thi	8,5	Vắng thi	Vắng thi
17	Nguyễn Văn	Giang	17	7,25	8,0	7,5	7,0
18	Nguyễn Việt	Hạ	18	7,5	8,5	8,5	8,5
19	Phan Thị Hoài	Hạ	19	8,5	8,5	8,5	8,0
20	Nguyễn Thị	Hải	20	7,5	8,0	7,5	8,0
21	Đào Tiến	Hải	21	8,5	8,5	8,5	8,5
22	Hoàng Thị Thanh	Hải	22	8,0	8,0	8,0	8,0
23	Đoàn Xuân	Hậu	23	7,5	8,0	7,0	8,0

TT	Họ và tên		Số BD	Điểm			
				Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội	Bài thu hoạch Nghiên cứu thực tế	Kiến thức bổ trợ	Thực tiễn kinh nghiệm xây dựng, phát triển địa phương
24	Trần Thị Thu	Hiền	24	8,0	8,0	8,0	8,0
25	Nguyễn Thị	Hiền	25	7,5	8,5	7,5	8,0
26	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	26	7,5	7,5	8,0	7,5
27	Cù Thị	Hoa	27	8,0	8,0	7,5	8,5
28	Nguyễn Thị Thúy	Hoàn	28	7,5	8,0	8,0	8,0
29	Nguyễn Ánh	Hồng	29	7,25	8,0	7,5	8,0
30	Hoàng Thị	Hồng	30	8,5	8,5	8,5	8,5
31	Hà Văn	Hùng	31	8,0	7,5	7,5	7,5
32	Trần Thị Vũ	Huyền	32	7,5	8,0	7,5	8,0
33	Vương Thị	Huyền	33	7,5	8,0	7,5	8,0
34	Phan Thị Thanh	Huyền	34	7,5	7,5	8,0	8,0
35	Nguyễn Phong	Lưu	35	8,5	8,5	8,5	8,5
36	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	36	8,0	7,5	8,0	8,5
37	Nguyễn Trà	My	37	8,5	8,5	8,5	8,5
38	Lê Thị Quỳnh	Nga	38	8,0	7,5	8,0	7,5
39	Nguyễn Thúy	Nga	39	7,5	7,5	8,0	8,0
40	Cù Thị	Nguyệt	40	Vắng thi	8,0	Vắng thi	7,5
41	Nguyễn Thị	Nhàn	41	7,75	7,5	8,0	8,0
42	Thái Văn	Nhật	42	7,0	7,5	7,0	8,5
43	Trần Thị Hồng	Nhung	43	8,0	7,5	8,0	8,5
44	Nguyễn Thị Gia	Phú	44	8,5	8,5	8,5	8,5
45	Lê Quang	Phước	45	7,5	8,0	7,5	8,0
46	Hoàng Thị	Phượng	46	7,0	7,5	7,0	8,0
47	Nguyễn Thị	Phượng	47	8,0	7,5	8,0	7,5
48	Phạm Thị	Quế	48	7,5	8,0	8,0	8,0
49	Lê Thị	Quế	49	8,5	8,5	8,5	8,5
50	Bùi Xuân	Quý	50	8,0	8,0	7,5	8,0
51	Phan Thị Mai	Quyên	51	8,5	8,5	8,5	8,0
52	Trần Thị	Quỳnh	52	7,5	8,0	8,0	8,0
53	Trần Danh	Quỳnh	53	7,0	8,0	8,0	8,0

TT	Họ và tên		Số BD	Điểm			
				Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội	Bài thu hoạch Nghiên cứu thực tế	Kiến thức bổ trợ	Thực tiễn kinh nghiệm xây dựng, phát triển địa phương
54	Phan Thị	Sen	54	7,75	7,5	8,0	7,0
55	Lê Ngọc	Son	55	7,0	7,5	7,5	7,5
56	Võ Thanh	Son	56	7,0	8,0	8,0	8,0
57	Lê Văn	Son	57	7,0	8,5	8,5	8,0
58	Trần Thị Hồng	Thắm	58	7,5	8,0	7,5	7,5
59	Hà Quang	Thăng	59	7,5	7,5	7,5	8,0
60	Nguyễn Nam	Thắng	60	7,5	7,5	8,0	Vắng thi
61	Lê Thị	Thanh	62	8,0	8,0	8,0	8,0
62	Đoàn Thị	Thêm	63	7,5	7,5	8,0	8,0
63	Nghiêm Thị	Thủy	64	7,0	7,5	7,5	8,0
64	Trần Lê	Thủy	65	8,5	8,5	8,5	8,5
65	Trần Thị	Tinh	66	8,0	8,5	8,0	8,0
66	Lê Thị	Trang	67	7,0	8,0	7,0	7,5
67	Trần Thị Như	Trang	69	8,0	8,0	8,0	8,5
68	Bùi Thị	Trang	70	8,0	8,0	8,0	8,0
69	Võ Anh	Tuấn	72	7,0	7,5	7,5	8,0
70	Dương Anh	Tuấn	73	7,0	7,5	7,5	7,5
71	Phan Thanh	Tùng	74	7,0	8,0	7,0	Vắng thi
72	Lê Thị Kim	Vân	75	8,0	8,5	8,0	7,5
73	Hoàng Quốc	Việt	76	8,5	8,5	8,5	8,5
74	Nguyễn Thành	Vinh	77	7,5	8,0	7,5	8,0
75	Nguyễn Anh	Vũ	78	7,5	8,0	7,5	8,0
76	Trần Thị Ngọc	Yến	80	8,0	8,0	8,0	8,0

Danh sách này gồm: 76 học viên

Hà Tĩnh, ngày 28 tháng 6 năm 2023

NGƯỜI VÀO ĐIỂM



Bùi Thị Thủy

TRƯỞNG PHÒNG
QLĐT VÀ NCKH



Nguyễn Xuân Bé



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Trọng Tứ

*

KẾT QUẢ THI TỐT NGHIỆP
LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ 178, HỆ KHÔNG TẬP TRUNG
MỞ TẠI HUYỆN ĐỨC THỌ

TT	Họ và tên		SBD	Khối kiến thức 1	Khối kiến thức 2	Khối kiến thức 3	Điểm Trung bình	
				(1)	(2)	(3)	Bảng số	Bảng chữ
1	Võ Hoài	An	01	5,0	7,75	7,5	6,75	Sáu phẩy bảy lăm
2	Hồ Quốc	An	02	5,0	7,0	6,5	6,17	Sáu phẩy mười bảy
3	Đinh Thị Kim	Anh	03	5,0	8,0	7,5	6,83	Sáu phẩy tám ba
4	Võ Thị Thanh	Bình	04	5,5	7,5	7,0	6,67	Sáu phẩy sáu bảy
5	Nguyễn Thủy	Chung	05	5,0	7,5	6,5	6,33	Sáu phẩy ba ba
6	Trần Thị Kim	Cương	06	5,0	7,5	6,0	6,17	Sáu phẩy mười bảy
7	Đào Hùng	Cường	07	5,0	7,0	7,5	6,50	Sáu phẩy năm
8	Trần Mạnh	Cường	08	5,0	7,75	7,5	6,75	Sáu phẩy bảy lăm
9	Nguyễn Văn	Đức	09	5,5	7,5	8,0	7,00	Bảy phẩy không
10	Nguyễn Thị Kim	Dung	10	5,0	7,0	7,5	6,50	Sáu phẩy năm
11	Nguyễn Văn	Giang	11	5,0	6,5	7,0	6,17	Sáu phẩy mười bảy
12	Nguyễn Viết	Hạ	12	6,0	8,0	8,5	7,50	Bảy phẩy năm
13	Nguyễn Thị	Hải	13	5,0	7,5	7,5	6,67	Sáu phẩy sáu bảy
14	Hoàng Thị Thanh	Hải	14	5,0	8,0	7,5	6,83	Sáu phẩy tám ba
15	Đào Xuân	Hậu	15	5,5	7,5	7,5	6,83	Sáu phẩy tám ba
16	Trần Thị Thu	Hiền	16	5,0	7,25	7,0	6,42	Sáu phẩy bốn hai
17	Nguyễn Thị	Hiền	17	5,0	7,5	7,5	6,67	Sáu phẩy sáu bảy
18	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	18	5,0	7,5	7,5	6,67	Sáu phẩy sáu bảy
19	Cù Thị	Hoa	19	5,0	7,75	7,0	6,58	Sáu phẩy năm tám
20	Nguyễn Thị Thúy	Hoàn	20	5,0	8,0	7,0	6,67	Sáu phẩy sáu bảy
21	Nguyễn Ánh	Hồng	21	5,0	7,0	7,0	6,33	Sáu phẩy ba ba

TT	Họ và tên		SBD	Khối kiến thức 1	Khối kiến thức 2	Khối kiến thức 3	Điểm Trung bình	
				(1)	(2)	(3)	Bảng số	Bảng chữ
22	Hà Văn	Hùng	22	5,5	6,5	6,0	6,00	Sáu phẩy không
23	Trần Thị Vũ	Huyền	23	5,0	6,5	7,5	6,33	Sáu phẩy ba ba
24	Vương Thị	Huyền	24	5,0	8,0	7,0	6,67	Sáu phẩy sáu bảy
25	Phan Thị Thanh	Huyền	25	5,0	6,5	7,0	6,17	Sáu phẩy mười bảy
26	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	26	5,0	7,0	7,0	6,33	Sáu phẩy ba ba
27	Lê Thị Quỳnh	Nga	27	5,0	7,0	7,0	6,33	Sáu phẩy ba ba
28	Nguyễn Thúy	Nga	28	5,0	7,5	8,0	6,83	Sáu phẩy tám ba
29	Cù Thị	Nguyệt	29	5,0	7,5	7,5	6,67	Sáu phẩy sáu bảy
30	Nguyễn Thị	Nhàn	30	5,0	7,5	8,0	6,83	Sáu phẩy tám ba
31	Thái Văn	Nhật	31	5,0	7,0	7,0	6,33	Sáu phẩy ba ba
32	Trần Thị Hồng	Nhung	32	5,0	6,5	7,5	6,33	Sáu phẩy ba ba
33	Lê Quang	Phước	33	5,0	5,5	7,0	5,83	Năm phẩy tám ba
34	Hoàng Thị	Phượng	34	5,0	6,5	7,5	6,33	Sáu phẩy ba ba
35	Nguyễn Thị	Phượng	35	5,0	7,25	7,0	6,42	Sáu phẩy bốn hai
36	Phạm Thị	Quế	36	5,5	7,0	7,0	6,50	Sáu phẩy năm
37	Bùi Xuân	Quý	37	5,0	7,0	8,0	6,67	Sáu phẩy sáu bảy
38	Phan Mai	Quyên	38	6,0	8,25	8,75	7,67	Bảy phẩy sáu bảy
39	Trần Thị	Quỳnh	39	6,0	7,5	7,5	7,00	Bảy phẩy không
40	Trần Danh	Quỳnh	40	5,0	5,25	8,0	6,08	Sáu phẩy không tám
41	Phan Thị	Sen	41	5,0	7,5	7,5	6,67	Sáu phẩy sáu bảy
42	Lê Ngọc	Sơn	42	5,0	6,75	7,0	6,25	Sáu phẩy hai lăm
43	Võ Thanh	Sơn	43	5,0	7,0	7,0	6,33	Sáu phẩy ba ba
44	Lê Văn	Sơn	44	5,0	5,75	7,0	5,92	Năm phẩy chín hai
45	Trần Hồng	Thắm	45	5,0	7,5	7,0	6,50	Sáu phẩy năm
46	Hà Quang	Thăng	46	5,0	7,0	7,0	6,33	Sáu phẩy ba ba
47	Nguyễn Nam	Thăng	47	5,0	7,0	7,0	6,33	Sáu phẩy ba ba

